

ĐIỂM THI

**PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHC NHÀ NƯỚC
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN**

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Ngô Thị An	01	15	7,0	Bảy	
2	Đào Thị Bích	02	26	7,0	Bảy	
3	Nguyễn Khắc Bình	03	19	7,5	Bảy rưỡi	
4	Dương Đức Chung	04	55	7,0	Bảy	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	05	34	8,0	Tám	
6	Dương Văn Cường	06	77	7,0	Bảy	
7	Trần Thị Dịu	07	47	7,5	Bảy rưỡi	
8	Đồng Thị Dung	08	41	7,5	Bảy rưỡi	
9	Hà Chí Dũng	09	32	7,0	Bảy	
10	Tạ Long Giang	10	08	7,0	Bảy	
11	Đỗ Thị Giang	11	54	7,5	Bảy rưỡi	
12	Lê Văn Giang	12	49	7,5	Bảy rưỡi	
13	Hoàng Hương Giang	13	75	7,0	Bảy	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hà	14	38	7,0	Bảy	
15	Ngô Thị Ngọc Hân	15	78	7,0	Bảy	
16	Phạm Thu Hằng	16	69	8,0	Tám	
17	Nguyễn Thị Hạnh	17	51	7,0	Bảy	
18	Trịnh Thị Hạnh	18	02	7,0	Bảy	
19	Trần Thị Hậu	19	14	7,0	Bảy	
20	Trần Thị Hiền	20	13	7,0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Hoan	21	45	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Vũ Thị Hương	22	33	7,5	Bảy rưỡi	
23	Tạ Thị Thu Hương	23	12	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Hương	24	10	8,0	Tám	
25	Nguyễn Thị Lan Hương	25	29	7,0	Bảy	
26	Lại Thị Hường	26	31	7,0	Bảy	
27	Nguyễn Thị Thanh Huyền	27	22	7,5	Bảy rưỡi	
28	Ngô Thị Thanh Huyền	28	28	8,0	Tám	
29	Nguyễn Thị Lâm	29	74	7,0	Bảy	
30	Lê Thị Lâm	30	70	7,0	Bảy	
31	Hà Thị Kim Liên	31	35	7,5	Bảy rưỡi	
32	Lê Thị Kim Liễu	32	76	7,0	Bảy	
33	Dương Mạnh Lương	33	16	7,0	Bảy	
34	Nguyễn Khắc Luật	34	23	7,0	Bảy	
35	Quan Thị Luyện	35	05	8,5	Tám rưỡi	
36	Đặng Thanh Mai	36	80	7,5	Bảy rưỡi	
37	Đào Văn Minh	37	50	7,0	Bảy	
38	Trần Thị Thiên Nga	38	24	7,0	Bảy	
39	Lê Thị Thanh Nga	39	42	7,0	Bảy	
40	Ngô Thị Phương Ngân	40	21	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Mạnh Nghĩa	41	17	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Nguyệt	42	25	7,0	Bảy	
43	Phùng Thị Nhân	43	09	7,0	Bảy	
44	Phạm Thị Nhuận	44	65	7,0	Bảy	
45	Lê Thị Nhung	45	11	8,0	Tám	
46	Đặng Thị Ninh	46	72	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Thị Hồng Ninh	47	73	7,0	Bảy	
48	Lưu Thị Phương	48	63	7,5	Bảy rưỡi	
49	Dương Quỳnh Phương	49	30	7,0	Bảy	

CỘNG HÒA
T
CH
HUY

24

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Đỗ Thị Kim Phụng	50	36	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Sen	51	56	8,0	Tám	
52	Hà Thị Tám	52	06	7,5	Bảy rưỡi	
53	Kiều Thị Thanh Tâm	53	39	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Đức Thái	54	61	7,0	Bảy	
55	Dương Thị Hồng Thắm	55	68	7,0	Bảy	
56	Ngô Ngọc Thắng	56	64	7,0	Bảy	
57	Đỗ Thị Thanh Thảo	57	07	7,5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Thảo	58	04	8,0	Tám	
59	Hoàng Thị Minh Thi	59	43	7,0	Bảy	
60	Nguyễn Đăng Thiện	60	67	8,0	Tám	
61	Vũ Khánh Thiện	61	62	7,0	Bảy	
62	Ngô Văn Thiều	62	60	7,0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Thoan	63	71	7,0	Bảy	
64	Dương Thị Thu	64	03	8,0	Tám	
65	Phùng Đức Thường	65	58	7,0	Bảy	
66	Lê Thị Thúy	66	48	7,0	Bảy	
67	Đỗ Thị Bích Thùy	67	79	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Thủy	68	44	7,0	Bảy	
69	Triệu Tiến Thủy	69	20	7,5	Bảy rưỡi	
70	Dương Thu Trang	70	52	7,5	Bảy rưỡi	
71	Bùi Thị Trang	71	53	7,0	Bảy	
72	Triệu Thị Tuyết Trinh	72	18	7,0	Bảy	
73	Vũ Anh Tuấn	73	27	7,0	Bảy	
74	Phạm Anh Tuấn	74	66	8,0	Tám	
75	Trần Thúy Vân	75	37	7,0	Bảy	
76	Nguyễn Thúy Vinh	76	40	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Vui	77	57	7,0	Bảy	

SẢN
CƯỜNG
NH T
THÁI

CH

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Nguyễn Thị Yên	78	59	7,0	Bảy	
79	Nguyễn Thị Hải Yên	79	46	8,0	Tám	
80	Nguyễn Thị Kim Xuyên	80	01	8,0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

